Địa danh ải Lê Hoa

Nguyễn Đức Nhuệ[1]

[1] Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Email: ducnhuevsh@gmail.com

Nhận ngày 20 tháng 6 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 8 năm 2018.

Tóm tắt: Trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo, nhiều địa danh lịch sử còn ghi đậm trong sử sách với những chiến công hiển hách, trong đó có địa danh ải Lê Hoa ở vùng biên giới phía bắc Việt Nam. Tại đây, vào cuối năm 1427, các tướng Phạm Văn Xảo, Trịnh Khả, Lưu Trung và Lê Khuyển đã chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn chặn đánh tan 5 vạn viện binh của nhà Minh do Kiềm quốc công Mộc Thạnh chỉ huy. Ải Lê Hoa được ghi chép trong nhiều tài liệu, đặc biệt trong "Đại Việt sử ký toàn thư", "Đại Việt thông sử", "Tuyên Quang tỉnh phú". Tuy nhiên, về vị trí hiện tại của địa danh ải Lê Hoa vẫn đang còn có ý kiến khác nhau. Có nhiều căn cứ để cho rằng ải Lê Hoa nay thuộc huyện Hạ Hòa tỉnh Phú Thọ.

Từ khóa: Ải Lê Hoa, Tuyên Quang, Lam Sơn, Đặng Xuân Bảng.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: The Lam Son insurrection led by Le Loi is renowned for and linked with many historical sites highlighted in history books with glorious victories, including the mountain pass of Le Hoa by Vietnam's northern border. It was there that, in late 1427, generals Pham Van Xao, Trinh Kha, Luu Trung and Le Khuyen commanded Lam Son insurgents to beat the 50,000 reinforcements of the Ming dynasty led by Mu Sheng. The name of Le Hoa is recorded in many documents, especially in "*Đại Việt sử ký toàn thư*" ("The Complete Annals of Great Viet"), "*Đại Việt thông sử*" ("The History of Great Viet") and "*Tuyên Quang tỉnh phú*" ("The Poetic Essay on Tuyen Quang Province"). However, there are still various opinions on its exact location. There are many grounds to believe that it is in the present-day Ha Hoa district of Phu Tho province.

Keywords: Le Hoa Pass, Tuyen Quang, Lam Son, Dang Xuan Bang.
Subject classification: History

1. Đặt vấn đề

Từ những thế kỷ trước, địa danh ải Lê Hoa đã được nhắc đến qua nhiều tác phẩm địa lý học lịch sử; trong đó có 3 tác phẩm: "Đại

Việt sử ký toàn thư", "Đại Việt thông sử", "Tuyên Quang tỉnh phú". Tuy nhiên, về vị trí xác thực hiện nay của ải Lê Hoa ở đâu thì đang có những ý kiến khác nhau. Trên cơ sở phân tích ghi chép ở 3 tác phẩm nói trên về địa danh ải Lê Hoa, bài viết này góp thêm một số ý kiến về vị trí và đặc điểm lịch sử của ải này.

2. Ải Lê Hoa trong "Đại Việt sử ký toàn thư" và "Đại Việt thông sử"

Địa danh Lê Hoa có lẽ được chép sớm nhất trong *Dư địa chí*, tác phẩm này nguyên có tên là *An Nam vũ cống* (do Nguyễn Trãi biên soạn năm 1435). Phần viết về Tuyên Quang, Nguyễn Trãi cho biết: "Lê Hoa cùng Lô ở về Tuyên Quang". Lê Hoa là tên núi, nay gọi là Lê Hoa quan. Khi khởi nghĩa, Lê Thái Tổ sai quan phòng ngự Trần Ban sửa sang chỗ ấy; sau chống cự chi binh của tướng Minh là Liễu Thăng (đúng ra không phải là Liễu Thăng, mà là Mộc Thạnh) ở đấy. Theo Hà Văn Tấn, núi Lê Hoa hiện nay chưa biết rõ ở đâu. Thời Lê bấy giờ có Lê Hoa quan. Sách *Cương mục* chú về Lê Hoa quan rằng: "Lê Hoa quan theo *Tuyên Quang tỉnh chí*, tương truyền trước thuộc Tuyên Quang, nay thuộc vào huyện Mông Tự, tỉnh Vân Nam đất Thanh, không rõ có đúng không. Như vậy, sông Lê Hoa chỉ là một đoạn của sông Hồng ở đất huyện Mông Tự. Lê Hoa quan hẳn là vùng đất giáp giới Lao Cai, chỗ sông Hồng chảy vào Việt Nam" [6, tr.228, 606].

Ải Lê Hoa hay Lê Hoa quan (黎花關) là một địa danh lịch sử quan trọng liên quan mật thiết đến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đầu thế kỷ XV, do đó nhiều bộ chính sử của Việt Nam đều đề cập đến, như *Đại Việt sử ký toàn thư, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Đại Việt thông sử.*

Trong sách *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản kỷ thực lục Q.X, tờ 32b) và *Đại Việt thông sử* (Đế kỷ đệ nhất, tờ 27b) có chép về địa danh Lê Hoa như sau: "Mùa hạ, tháng 4 [năm Đinh Mùi - 1427] sai phòng ngự sứ là Trần Ban đốc sửa cửa ải Lê Hoa" (夏四月遣防禦使陳班督修梨花關). *Toàn thư* cũng chép về đường tiến binh của đạo viện binh do Mộc Thạnh chỉ huy như sau: "ngày 18 [tháng 9 năm Đinh Mùi - 1427],… Chinh nam tướng quân, thái phó Kiềm quốc công Mộc Thạnh, Tham tướng Hưng An bá Từ Hanh, Tân Ninh bá Đàm Trung đem 5 vạn quân và 1 vạn con ngựa đánh vào ải Lê Hoa; hai đạo (cả đạo của Liễu Thăng - NĐN) đều đến đầu địa giới nước ta" [2, t.3, tr.42], [1, tr.78]. Trong *Đại Việt thông sử* có chép khá rõ về địa danh Lê Hoa: "sai Phạm Văn Xảo và Lê Khả dẫn binh tượng đóng giữ ải Lê Hoa thuộc Mông Tự, đợi để chống đạo viện binh từ Vân Nam sang" [1, tr.78]. Trong *Minh thực lục* có ghi chép khá kỹ về việc nhà Minh tổ chức, điều động hai đạo quân sang Giao Chỉ để chi viện cho Vương Thông đang bị nghĩa quân Lam Sơn bao vây ở thành Đông Quan. Tại tờ 8b, q.32 của tác phẩm *Minh thực lục* có chép: ngày hôm nay [26 tháng 10 năm Tuyên Đức thứ 2, tức ngày 14/11/1427], quân của Chinh nam tướng quân Kiềm quốc công Mộc Thạnh đã đến trại Cao, huyện Thuỷ Vĩ, Giao Chỉ. Khi ấy, "cả hai con đường thủy bộ "giặc" đều chống cự, giao thông bị ngăn trở. Bọn Thạnh đốc suất tạo binh thuyền, sai người tuần thám, tiếp tục theo hành trình mà tiến" [3, tr.186]. Như vậy, đạo quân của Mộc Thạnh theo hai đường thủy bộ đã tiến sâu vào nội địa nước ta. Cũng theo *Minh thực lục*

thì ngày 22/2/1428, ở Đông Quan, Tổng binh Giao Chỉ cho người về tâu rằng: "Gần đây, Lê Lợi tập trung dân bản xứ, tự phong nguỵ vương để làm vững lòng dân chúng, bất ngờ mang đại quân vượt sông xâm lược. Bọn thần mong đại quân đến tăng viện gấp, lại nghe An Viễn hầu Liễu Thăng đến quan ải Trấn Di tử trận, Bảo
Định bá Lương Minh, Thượng thư Lý Khánh đều bị bệnh chết, Đô đốc Thôi Tụ mang quân tới Xương Giang thì bị giặc tập kích, Kiềm quốc công, Tân Ninh bá đến châu Qui Hoá thì bị giặc ngăn trở không tiến được" [3, tr.186].

Dưới thời Lê Thánh Tông, năm 1469, định bản đồ 12 thừa tuyên. Thừa tuyên Hưng Hoá có 3 phủ, trong đó, phủ Quy Hoá quản lĩnh 3 huyện Trấn Yên, Yên Lập, Văn Chấn và hai châu Văn Bàn, Thuỷ Vĩ (nay là địa bàn Lào Cai và Yên Bái) [4, t.1, tr.1077].

Đường tiến quân của viện binh Mộc Thạnh năm 1427 từ Vân Nam vào Đại Việt không khác so với đường quân Minh xâm lược Đại Việt năm 1406, dưới triều Hồ. Theo *Minh thực lục*, năm 1406 Tây Bình hầu Mộc Thạnh từng chỉ huy một đạo quân xâm lược Đại Việt, xuất phát từ Mông Tự (Vân Nam), vượt qua các cửa ải ở Tuyên Quang, tiến xuống Bạch Hạc. Về điểm này, khi khảo về địa dư Tuyên Quang, Nguyễn Văn Siêu trong *Đại Việt địa dư toàn biên* đã dẫn *Phương dư kỷ yếu* và cho biết rằng: cửa ải Dã Bồ ở phía tây bắc phủ Giao Châu; Mộc Thạnh đi đánh An Nam từ huyện Mông Tự, tỉnh Vân Nam, qua Dã Bồ, đẵn cây mở đường đánh quân cướp trại Mãnh Liệt tại cửa ải Hoa Quan; Thạnh tiến quân đắp luỹ ở bờ bắc sông Đào, đóng thuyền sang sông Bạch Hạc, đi qua ải Dã Bồ này [5, tr.118]. Cửa ải *Hoa Quan* mà Nguyễn Văn Siêu nhắc đến, liệu có phải là Lê Hoa quan không? Đây là vấn đề cần nghiên cứu.

Nhằm ngăn chặn cánh quân Vân Nam, Lê Lợi phái các tướng Phạm Văn Xảo, Trịnh Khả, Lưu Trung và Lê Khuyển đem quân lên giữ ải Lê Hoa cầm cự với Mộc Thạnh và bí mật đặt phục binh chờ địch. Đoán biết được thái độ chần chừ của Mộc Thạnh, Lê Lợi đã sai bọn tù binh vừa bắt được đem phù ấn, sắc thư của Liễu Thăng đến doanh trại Mộc Thạnh. Biết tin Liễu Thăng, Lương Minh đã bị giết, đám viện binh còn lại đang bị vây hãm ở Xương Giang, đại quân của Mộc Thạnh không đánh mà tự tan vỡ. Mộc Thạnh đang đêm dẫn quân tháo chạy. Các tướng Phạm Văn Xảo, Trịnh Khả thừa dịp tung quân ra đánh, phá tan quân giặc ở Lãnh Câu, Đan Xá, chém chết hơn 1 vạn tên địch, bắt sống hơn 1.000 tên và hơn 1.000 con ngựa. Quân Minh bị chết đuối ở các khe vực nhiều vô kể. Mộc Thạnh chỉ còn một mình một ngựa trốn về [2, t.3, tr.45], [1, tr.80], [4, t.1, tr.817].

3. Ải Lê Hoa trong "Tuyên Quang tỉnh phú"

Tuyên Quang tỉnh phú ([宣 光 省 賦]) được Đặng Xuân Bảng viết năm Tân Dậu, niên hiệu Tự Đức thứ 14 (1861) khi ông đang giữ chức Tri phủ Yên Bình, tỉnh Tuyên Quang. Hiện bản *Tuyên Quang tỉnh phú* được lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (ký hiệu A. 964). Sau này, trong *An Nam tạp chí* có đăng nguyên văn *Tuyên Quang tỉnh phú* của Đặng Xuân Bảng cùng *Cao Bằng tỉnh phú* của Trần Huy Phác. Trong *An Nam tạp chí,* ghi là *Tuyên Quang*

phú (宣 光 賦) và không ghi tên tác giả. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng nguyên bản chữ Hán trong *An Nam tạp chí* (lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A. 2916). Bản chép tay gồm 26 trang, viết theo hai dạng chữ: chính văn cỡ chữ lớn, chú giải chữ nhỏ hơn[2].

Nội dung của *Tuyên Quang tỉnh phú* đề cập đến vùng đất Tuyên Quang trong lịch sử, với những mô tả rất chi tiết và chú giải kỹ càng từng mục (từ diên cách dựng đặt, hình thế, núi sông, thành trì, cổ tích, sản vật địa phương, chợ búa, phong tục tập quán, nhân vật, đến mạng lưới giao thông thủy bộ...) Có thể xem, *Tuyên Quang tỉnh phú* là một công trình nghiên cứu đầy đủ, toàn diện về địa lý - lịch sử của một địa phương.

Trước *Tuyên Quang tỉnh phú* đã xuất hiện nhiều công trình chuyên khảo địa lý học lịch sử tầm cỡ như *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi (thế kỷ XV), *Ô châu cận lục* của Dương Văn An (thế kỷ XVI), *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn (thế kỷ XVIII), *Hoàng Việt dư địa chí* của Phan Huy Chú,
Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức, *Bắc Thành dư địa chí* của Lê Quang Định (đầu thế kỷ XIX)... Tuy nhiên, những công trình kể trên được biên soạn dưới dạng văn xuôi, còn *Tuyên Quang tỉnh phú* của Đặng Xuân Bảng được viết theo thể văn biền ngẫu, chính văn gồm các câu tứ lục, sau đó có chú giải bằng văn xuôi. Đây là nét đặc sắc, độc đáo của *Tuyên Quang tỉnh phú*. Nội dung *Tuyên Quang tỉnh phú* đề cập đến các lĩnh vực sau: 1) diên cách, dựng đặt và danh xưng Tuyên Quang trong lịch sử; 2) cương vực Tuyên Quang; 3) đường đi; 4) phân dã; 5) hình thế; 6) khí hậu; 7) núi sông; 8) thành trì, tỉnh lỵ và phủ, châu huyện lỵ; 9) thuế; 10) đồn, bảo; 11) chợ; 12) đền chùa; 13) nhân vật, liệt nữ; 14) sản vật; 15) linh dị; 16) cổ tích; 17) phong tục. Dưới đây, chúng tôi xin điểm lại vài mục có liên quan đến ải Lê Hoa.

Ở mục "Cương vực Tuyên Quang", Đặng Xuân Bảng trình bày cụ thể và súc tích: bắc thông với Vân Quảng (Vân Nam - Quảng Tây), nam tiếp với Đoan Hùng, tây ứng với Hưng Hóa, đông ứng với Cao, Thái. Theo ghi chép ở đó, phía bắc giáp châu Trấn An, phủ Tiểu Trấn An tỉnh Quảng Tây, châu Quy Thuận, huyện Bảo Ninh, phủ Quảng Nam, huyện Văn Sơn, phủ Khai Hóa tỉnh Vân Nam nhà Thanh; phía nam giáp 3 huyện Tây Quan, Hùng Quan, Sơn Dương phủ Đoan Hùng, tỉnh
Sơn Tây; phía tây giáp 3 châu huyện Thủy Vĩ, Văn Bàn, Trấn Yên phủ Gia Hưng, tỉnh Hưng Hóa; phía đông giáp huyện Thạch Lâm, phủ Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng và Định Châu, phủ Tòng Hóa; phía đông nam giáp châu Bạch Thông phủ Thông Hóa tỉnh Thái Nguyên. Địa bàn giáp giới giữa Tuyên Quang với Trung Quốc có các cửa ải: ải Bắc Nậm thuộc xã Ân Quang, giáp xã Mậu Duệ châu Quy Thuận phủ Tiểu Trấn An, tỉnh Quảng Tây nước Thanh; ải
Thính Kham thuộc xã Bách Tích; ải Tân Nhai thuộc xã Bình Di (và thuộc Để Định) giáp huyện Bảo Ninh phủ Quảng Nam tỉnh Vân Nam nước Thanh; ải Mỹ Thuận thuộc xã Tiểu Miện huyện Vị Xuyên; ải Đậu Khấu thuộc xã Tụ Hòa; ải Bắc Tý thuộc huyện Vĩnh Tuy (và giáp huyện Văn Sơn, phủ Khai Hóa nước Thanh). *Tuyên Quang tỉnh phú* được soạn năm 1861, do đó địa danh ải Lê Hoa không được nhắc đến, vì không còn thuộc địa bàn Tuyên Quang, mà có thể đã bị mất về Trung Quốc thời nhà Minh hoặc nhà Thanh.

Trong mục "Núi sông", chúng tôi quan tâm đến các con sông chính và phụ lưu chảy

trên địa bàn Tuyên Quang, trong đó, một sông tên là Lê Hoa. Ở mục này, Đặng Xuân Bảng ghi chép về các sông lớn của tỉnh Tuyên Quang như sông Ngưu Dương, sông Khâm, sông Đổ Chú, sông Lôi Giang... Ông mô tả chi tiết 172 thác hiểm trở ở các vụng sông; phương tiện để đi lại thuận lợi nhất trên các con sông, qua các thác ghềnh; đặc biệt, thủy trình trên địa bàn cũng được Đặng Xuân Bảng ghi chép rất tỉ mỉ. Trong mục này, có đoạn: "Thượng đằng, Hạ đằng sông Lô theo tới (sông Lô triều Trần gọi là Tuyên Giang, phân phái từ núi Bạch Nham, Triệu Châu phủ Đại Lý, tỉnh Vân Nam). Sông Thương Lan phía đông nam chảy qua sông Lễ Xã, huyện Mông Tự, phủ Lâm An, còn gọi là sông Lê Hoa (黎花江), lại qua huyện Vân Sơn, phủ Khai Hóa chảy vào".

Trong mục "cổ tích", Đặng Xuân Bảng ghi chép về ải Hoàng Loan (ải đắp bằng đất ở xã Hoàng Loan hạ, Thu Châu), dấu tích thành Thúc Thủy (ở xã Thúc Thủy huyện Hàm Yên), thành Việt Tỉnh (ở xã Diên Khánh, Thu Châu, đá lát đá vuông), ải Đà Dương, Vân Cách (ở ngoài phố Bắc Pha, xã Đà Dương, châu Lục Yên đắp bằng đất). Tương truyền những thành, ải này đều do Vũ Công Mật đắp (di chỉ đang còn). Đặc biệt, ông có nhắc đến ải Lê Hoa nơi Phạm Văn Xảo đánh quân Mộc Thạnh; Dinh Yên Tây của dòng họ Vũ trấn giữ.

Về ải Lê Hoa, Đặng Xuân Bảng viết: "Lê Hoa quan vua Lê Thái Tổ chống đánh giặc Minh" (黎花關黎太祖御明寇也: Lê Hoa quan Lê Thái Tổ ngự Minh khấu dã). Theo sử nhà Lê, Mộc Thạnh cùng Phạm Văn Xảo chống nhau ở cửa quan Lê Hoa. Theo *Đại Thanh nhất thống chí*, Lê Hoa quan ở huyện Mông Tự, phủ Lâm Yên, tỉnh Vân Nam. Đất phía nam có vụng Liên Hoa (蓮花滩 - *Liên Hoa than*, vụng này ở thượng lưu sông Thao, nay mất vào nước Thanh). Xét cửa quan Lê Hoa nay đã mất thuộc làng Đông An, Vân Nam. Làng Đông An xưa thuộc Mông Tự, niên hiệu Khang Hy nhà Thanh thứ 5, đổi lệ thuộc vào huyện Văn Sơn, phủ Khai Hóa. Dinh Yên Tây quan Trấn thủ họ Vũ đánh "giặc Mạc" (Vũ Văn Uyên là người Ba Đông thuộc huyện Gia Phúc, nay thuộc huyện Gia Lộc, thuộc Hải Dương). Cuối triều Lê Quang Thiệu, ứng mộ dẹp giặc trộm, có công. Vua Chiêu Tông cho làm Đô thống sứ Tuyên Quang, phong là Khánh Dương hầu, ở thành Nghị Lang, kiêm lĩnh vụng Liên Hoa… Về vụng Liên Hoa, Đặng Xuân Bảng chú thích: "xét trong *Đại Thanh nhất thống chí* từ Vân Nam vào Giao Châu có 2 đường. Một đường đi từ huyện Mông Tự, phủ Lâm An, qua vụng Liên Hoa, vào Giao Châu quan thạch, xuống động Trình Lạn, rồi theo tả ngạn sông Thao 4 ngày đến châu Thủy Vĩ, lại qua đò sang sông 8 ngày đến châu Văn Bàn, lại 5 ngày qua sông đến huyện Trấn Yên, lại 5 ngày đến huyện Hạ Hòa[3], lại 2 ngày đến huyện Thanh Ba, lại 3 ngày đến phủ Lâm Thao. Sông Thao tức là thượng lưu sông Phú Lương, phía bắc sông Thao là Tuyên Giang, phía nam sông Thao là sông Đà, ba sông đó gọi là Tam Giang. Từ Lâm Thao 3 ngày đến huyện Sơn Vi, lại qua sông 1 ngày đến phủ Hưng Hóa, qua đò 1 ngày đến miếu thần Bạch Hạc sông Tam Kỳ, lại qua sông Phú Lương 4 ngày đến huyện Bạch Hạc. Một đường đi từ ải Hà Dương, huyện Mông Tự, noi theo bờ hữu sông Lô 10 ngày đến châu Bình Nguyên, lại 3 ngày đến huyện Phúc Yên, lại 1 ngày đến châu Tuyên Giang, lại 1 ngày đến phủ Đoan Hùng, lại 5 ngày

đến sông Tam Kỳ ở Bạch Hạc. Từ phía bắc vụng Liên Hoa (huyện Mông Tự, Vân Nam, nay ở thượng lưu sông Thao), và từ phía bắc phố Bảo Thắng (châu Thủy Vĩ, Hưng Hóa) đi đến đây mất 2-3 ngày đường. Khi họ Vũ đóng cửa Hưng, Tuyên thì 3 động Hồ Điệp, Ngưu Dương, Phổ Viên (ở Tuyên Quang) và 6 châu Hoàng Nham, Hợp Phì, Tuy Phụ, Tuy Lăng, Lễ Tuyền, Khiêm Châu (ở Hưng Hóa) chưa nội thuộc, cho nên Vũ Văn Uyên chiếm cứ, mà thành cũ cũng ở nội địa. Làng Đông An, phủ Khai Hóa có thành Giao Chỉ. Khi hỏi thì người Thổ nói: từ phố Bắc Bảo, xã Phấn Vũ, huyện Vĩnh Tuy qua đò sang sông Lô (tức biên giới nước Thanh), đi lên phía bắc, qua xứ Chú Mã Pha, đến thành Giao Chỉ mất 1 ngày, đến phố Ma Hòa mất 2 canh. Nay phố Mã Phiến (làng Đông An) có đền thờ họ Vũ
(người Thổ còn phụng thờ). Thành Giao Chỉ là đắp đất, có chu vi khoảng 300 trượng (nền cũ vẫn còn). Bình Nguyên nay là Vị Xuyên; Phúc Yên nay là Hàm Yên; ải Hà Dương nay là phố Hà Dương. Xã Bình Di, Vĩnh Tuy ở phía tây sông Lô, có thành cũ đắp bằng đất, có chu vi khoảng 300 trượng, tên tục của xã này là làng Thành. Trong thành có 1 hồ và 12 hang đá. Nước ở hồ 4 mùa không cạn. Dân Bình Di ở đấy. Ở đó có đền thờ họ Vũ rất thiêng. Phía đông thành có đá hoa sen. Đá cao khoảng 40
trượng, rộng 20 trượng, vụt cao như hình Phật, cho nên được gọi Đá Phật. Động Ngọc Uyển, châu Thủy Vĩ, Hưng Hóa giáp giới huyện Trấn An, xung quanh xã đều có thành, đó đều là thành cũ của họ Vũ".

Liên quan đến ải Lê Hoa, các tài liệu chính sử đều nhắc đến một trận đánh oai hùng, đó là trận Lãnh Câu, Đan Xá. Ví dụ, có tài liệu viết: "Khi ấy, tổng binh Vân Nam và Kiềm quốc công Mộc Thạnh cùng với bọn Phạm Văn Xảo, Lê Khả [Trịnh Khả], Lê Trung [Lưu Trung], Lê Khuyển cầm cự với nhau ở cửa Lê Hoa… đến khi bọn Liễu Thăng thua, vua sai lấy một người chỉ huy và ba người thiên hộ của giặc bị bắt cùng các sắc thư, phù ấn của Liễu Thăng đưa đến quân Mộc Thạnh. Bọn Thạnh trông thấy sợ lắm, chốc lát chạy tan. Bọn Văn Xảo và Khải thừa thắng tung quân ra đánh, phá tan được ở ngòi Nước Lạnh (nguyên văn là: 冷 水 溝 - Lãnh Thuỷ Câu, tức ngòi Lãnh Thủy, tờ 42a, Q.X) và Đan Xá, chém được hơn 1 vạn thủ cấp, bắt được người và ngựa đều hơn 1 nghìn, còn bị chết ở khe suối thì không kể xiết. Mộc Thạnh chỉ một mình cưỡi ngựa chạy thoát" [2, t.3, tr.45]. *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn (Đế kỷ đệ nhất, tờ 31b) cũng chép là Lãnh Thủy Câu (冷 水 溝). Trong *Bình Ngô đại cáo,* do Nguyễn Trãi thay mặt Lê Lợi soạn bố cáo trước quân dân Đại Việt sau khi đánh đuổi quân xâm lược Minh ra khỏi bờ cõi vào cuối năm Đinh Mùi (1427), có đoạn: "Quân Vân Nam bị ta ách ở Lê Hoa; hoảng hốt sợ ngờ mà trước đà vỡ mộng; Quân Mộc Thạnh nghe quân Thăng tan ở Cần Trạm, giẫm nhau mà chạy mà chỉ tháo được thân; Huyết Lãnh Câu trôi chầy, nước sông ấp ức; Thây Đơn Xá thành núi, cỏ nội thắm hồng" [2, t.3, tr.55]. Vậy, Lãnh Câu, Đan Xá hiện ở địa bàn nào của tỉnh Tuyên Quang và các địa phương lân cận (như Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Phú Thọ ngày nay)? Khi tra cứu địa danh các làng xã ở Tuyên Quang qua các tài liệu *Các tổng trấn xã danh bị lãm* (biên soạn khoảng 1810-1813)[4], *Đồng Khánh địa dư chí* (biên soạn 1886-1888), các bản kê khai của Chánh tổng, Lý trưởng của các tổng xã tỉnh Tuyên Quang gửi Công sứ Pháp Tuyên Quang khoảng từ năm 1938-1940, thì không thấy xuất hiện các địa danh Mãnh Liệt, Lê

Hoa, Lãnh Câu, Đan Xá. Một số địa danh theo chúng tôi có quan hệ đến địa danh Lãnh Câu; đó là: Lãnh Thuỷ (冷 水, thuộc tổng Mông Sơn, châu Thu Vật, phủ Yên Bình, xứ Tuyên Quang), Lãnh Sơn (冷 山, tên xã, tên tổng thuộc huyện Hạ Hoa, phủ Lâm Thao, trấn Sơn Tây). Trong tài liệu tra cứu trên không thấy địa danh Đan Xá. Đầu thế kỷ XIX, ở Hạ Hòa (tỉnh Phú Thọ ngày nay) có Đan Thượng (tên xã, tên tổng).

4. Kết luận

Lê Hoa là một địa danh lịch sử rất quan trọng trong tiến trình lịch sử Việt Nam. Nhưng địa danh ấy hiện thuộc địa bàn nào ở Tuyên Quang, Yên Bái hay Phú Thọ (thuộc trấn Tuyên Quang thế kỷ XV)? Đây là một vấn đề lớn cần phải nghiên cứu, khảo sát, tìm hiểu kỹ càng. Tuy nhiên, công việc ấy không hề đơn giản chút nào. Phần lớn các chú thích của các dịch giả về địa danh Lê Hoa (Đào Duy Anh hiệu đính, chú giải và khảo chứng *Đại Việt sử ký toàn thư*; Hà Văn Tấn chú giải *Dư địa chí* của Nguyễn
Trãi; Văn Tân hiệu đính và giới thiệu *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn) đều dựa vào Lời chua của *Cương mục*. Ví dụ, chú thích về địa danh ải Lê Hoa ở *Đại Việt sử ký toàn thư* như sau: *Cương mục* quyển 14 chú rằng *Tuyên Quang tỉnh chí* chép: tương truyền rằng trước kia thuộc đất Tuyên Quang, nay mất vào đất Mông Tự, tỉnh Vân Nam nước Thanh. Theo *Đại Thanh nhất thống chí*, sông Nhị Hà chảy đến huyện Mông Tự thì hợp với sông Bạch Thủy và sông Xích Thủy làm sông Lê Hoa [2, t.3, tr.337]. Hiện nay, địa danh Lãnh Câu (ngòi Lạnh), Đan Xá (Đan Hà Xá) đang được lưu truyền khá phổ biến trong cộng đồng cư dân vùng này, bởi rằng, trên địa bàn huyện Hạ Hoà vẫn còn một khu đầm nước lớn (dân gian gọi là Đầm Lạnh, Đầm Láng) nhận nước từ Lãnh Câu (Ngòi Lạnh) đổ vào. Cũng từ lý do trên, một số nhà nghiên cứu chủ trương đi tìm địa danh ải Lê Hoa trên địa bàn huyện Hạ Hòa ngày nay. Đây là một hướng nghiên cứu mới cần thiết, đòi hỏi phải tốn nhiều công sức và trí tuệ. Chúng tôi tán thành ý tưởng trên và mong muốn giới sử học minh xác được địa danh ải Lê Hoa trong lịch sử.

Chú thích

[2] Trong bài viết này, chúng tôi có tham khảo thêm bản dịch của Ngô Thế Long (Viện Nghiên cứu Hán Nôm) theo bản chữ Hán, ký hiệu Q.964. Tuy nhiên, bản dịch này còn thiếu rất nhiều so với bản chép trong *An Nam tạp chí*.

[3] Đến Hạ Hoà, tổng cộng 22 ngày (với điều kiện giao thông và trật tự trị an cuối thế kỷ XIX, chứ không phải đầu thế kỷ XV, khi quân Mộc Thạnh vừa tiến quân vừa phải chống trả lại các đợt tấn công của nghĩa quân Lam Sơn).

[4] Đầu thế kỷ XIX, trấn Tuyên Quang gồm có 1 phủ, 1 huyện, 5 châu, 38 tổng, 256 xã, thôn, phường, trại…; Lao Cai, Yên Bái thuộc trấn Hưng Hoá; còn địa bàn tỉnh Phú Thọ (trong đó có Hạ Hoà) thuộc trấn Sơn Tây.

Tài liệu tham khảo

[1] Lê Quý Đôn (2007), *Đại Việt thông sử,* Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

[2] Ngô Sĩ Liên và sử thần triều Lê (1970), *Đại Việt sử ký toàn thư,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[3] *Minh thực lục: Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc thế kỷ XV-XVII*, Nxb Hà Nội, 2010.

[4] Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[5] Nguyễn Văn Siêu (1997), *Đại Việt địa dư toàn biên*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

[6] Nguyễn Trãi (1976), *Toàn tập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.